

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

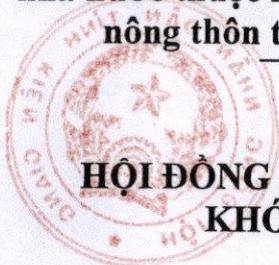
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 86/NQ-HĐND

Kiên Giang, ngày 05 tháng 8 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách
nhà nước thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển
nông thôn trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác của bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn;

Xét Tờ trình số 93/TTr-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Báo cáo thẩm tra số 36/BC-BKTNS ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành Kèm theo Nghị quyết này Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (Có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa X, Kỳ họp thứ Bảy thông qua ngày 29 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày ký. *Mai Văn Huỳnh*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: NN&PTNT; Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND cấp huyện;
- UBND cấp huyện;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Phòng Công tác HĐND;
- Trang hồ sơ công việc;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Mai Văn Huỳnh

Phụ lục

DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THUỘC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang)

STT	Tên dịch vụ sự nghiệp công
	Hoạt động kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn
I	Lĩnh vực thủy sản
1	Nghiên cứu, nuôi khảo nghiệm, lai tạo giống mới, nghiên cứu quy trình sản xuất giống mới, giống thủy sản có giá trị kinh tế cao
2	Bảo tồn, dự trữ, nhân giống các đối tượng thủy sản để bảo tồn nguồn gen, phục vụ yêu cầu nghiên cứu và phát triển sản xuất
3	Xây dựng mô hình trình diễn và chuyển giao công nghệ, kỹ thuật nuôi trồng về giống mới, giống thủy sản chất lượng cao
4	Thả giống thủy sản ra các thủy vực nhằm bảo tồn, tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản.
5	Hoạt động kiểm tra, xác nhận chất lượng giống thủy sản, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản
6	Khảo sát hướng dẫn CS NTTS thực hiện thủ tục cấp giấy xác nhận đăng ký nuôi thủy sản lồng bè và nuôi đối tượng thủy sản chủ lực
7	Lưu giữ giống thủy sản đặc hữu ở địa phương
8	Tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản
9	Quan trắc quản lý môi trường nuôi trồng thủy sản
10	Hoạt động khảo sát, kiểm tra cấp phép nuôi biển
11	Hoạt động kiểm tra, xác nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản
12	Hoạt động thẩm định, chứng nhận cơ sở nuôi trồng thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm
13	Điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của loài thủy sản theo chuyên đề
14	Điều tra, đánh giá nghề cá thương phẩm hằng năm
15	Điều tra, đánh giá một số nghề, ngư cụ khai thác thủy sản; đề xuất biện pháp quản lý
16	Quản lý, vận hành hệ thống giám sát tàu cá
II	Lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật
1	Nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất

2	Xây dựng và nhân rộng mô hình trình diễn, mô hình thực hành sản xuất tốt, ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp
3	Điều tra, quy hoạch lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật
4	Thống kê thuộc lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật
5	Điều tra, dự báo tình hình dịch hại trên cây trồng, cây rừng
6	Khảo nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, giống cây trồng
III	Lĩnh vực lâm nghiệp
1	Bảo vệ và phát triển rừng
2	Bảo tồn, cứu hộ, phục hồi sinh thái và tài nguyên rừng
3	Điều tra, quy hoạch thuộc lĩnh vực lâm nghiệp
4	Thống kê, kiểm kê thuộc lĩnh vực lâm nghiệp
5	Nghiên cứu, thực nghiệm, ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng
6	Lưu giữ, nhân giống lâm nghiệp, bảo tồn nguồn gen quý hiếm ở địa phương
7	Trồng rừng
8	Trồng cây phân tán
IV	Lĩnh vực chăn nuôi và thú y
1	Điều tra, quy hoạch, thống kê lĩnh vực chăn nuôi và thú y
2	Chẩn đoán thú y, thẩm định an toàn dịch bệnh
3	Tiêu độc khử trùng phòng, chống dịch bệnh cho động vật
4	Xét nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm
V	Lĩnh vực thủy lợi
1	Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp
2	Thống kê, thông tin thuộc lĩnh vực thủy lợi
3	Điều tra quy hoạch thuộc lĩnh vực thủy lợi
4	Duy tu bảo dưỡng các công trình thủy lợi, đê điều, nước sạch nông thôn
5	Quản lý vận hành các công trình thủy lợi
VI	Lĩnh vực nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn
1	Điều tra, thu thập, tổng hợp số liệu đánh giá sử dụng nước sinh hoạt nông thôn để thực hiện công tác theo dõi, đánh giá bộ chỉ số nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; kiểm tra, đánh giá chất lượng nước tại hộ gia đình vùng nguồn nước bị ô nhiễm



2	Phân tích, kiểm định đánh giá chất lượng nước sạch đối với các cơ sở sản xuất nước sạch nông thôn
3	Quản lý, vận hành công trình nước sạch sinh hoạt tập trung nông thôn
VII	Dịch vụ sự nghiệp khác
1	Thống kê các lĩnh vực trong ngành nông nghiệp
2	Hoạt động khuyến nông: Thông tin, tuyên truyền, đào tạo, dự án
3	Hoạt động xúc tiến thương mại, nông, lâm, thủy sản
4	Điều tra, quy hoạch các lĩnh vực phát triển nông thôn và chế biến
5	Xây dựng mô hình trình diễn và nhân rộng mô hình sản xuất nông lâm thủy sản có hiệu quả
6	Tổ chức và tham gia tổ chức các hội thi, hội thảo, hội chợ, triển lãm, diễn đàn về nông nghiệp và phát triển nông thôn
7	Đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn
8	Điều tra, khảo sát, thiết kế, quy hoạch lĩnh vực nông lâm nghiệp; lập báo cáo, chương trình, dự án đầu tư bảo vệ và phát triển rừng
9	Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu về bảo vệ và phát triển rừng
10	Thông tin tuyên truyền về nông nghiệp và phát triển nông thôn
11	Hoạt động quản lý vận hành các khu neo đậu, tránh trú bão của địa phương
12	Xây dựng tổ chức mô hình sản xuất liên kết chuỗi gắn với tiêu thụ sản phẩm trong nông nghiệp

